

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH**

Ngành đào tạo: Công tác xã hội

Hệ đào tạo: Đại học chính quy

1. Tên học phần: Tiếng Việt thực hành

2. Mã học phần: DHVH03

3. Số đvht: 4 (3,1)

4. Trình độ: SV năm thứ hai

5. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 45 tiết (dạy trong 15 tuần, 3 tiết/1 tuần)
- Thảo luận, thực hành, kiểm tra: 30 tiết (2 tiết/1 tuần)
- Tự học: 45 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Cơ sở văn hóa Việt Nam

7. Mục tiêu của học phần:

- 7.1. Về kiến thức:* sinh viên củng cố, nâng cao các kiến thức cơ bản về tiếng Việt: văn bản, xây dựng văn bản, từ, câu, chính tả.
- 7.2. Về kỹ năng:* sinh viên có kỹ năng tạo lập, phân tích văn bản, kỹ năng dùng từ đặt câu, kỹ năng viết chính tả; tự học và tự nghiên cứu; kỹ năng tổng thuật văn bản.
- 7.3. Về thái độ:* Yêu quý, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, có ý thức trong việc rèn luyện nâng cao khả năng sử dụng tiếng Việt hiệu quả trong cuộc sống, học tập, công tác.

8. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp kiến thức và rèn luyện kỹ năng xây dựng văn bản, kỹ năng phân tích, thuật lại văn bản, chủ yếu là văn bản khoa học, gắn với hoạt động học tập, nghiên cứu của sinh viên. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên thực hành các kỹ năng dùng từ, đặt câu, kỹ năng viết chính tả nhằm nâng cao trình độ sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp. Từ đó, sinh viên sử dụng hiệu quả tiếng Việt trong cuộc sống, học tập, nghiên cứu, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác sau khi tốt nghiệp.

9. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Văn hóa

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ số giờ học trên lớp theo qui định
- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ (chuẩn bị bài ở nhà, đọc tài liệu, tham gia thảo luận và làm các bài tập tại lớp, làm kiểm tra giữa môn và thi hết môn) theo đúng yêu cầu của giảng viên phụ trách môn học.
- Sinh viên vi phạm qui định (nghỉ học, đi muộn không có lý do chính đáng; không làm bài tập, bài thi, nộp bài không đúng hạn; vi phạm quy chế thi; trích dẫn tài liệu và làm bài gian dối...) tùy theo mức độ sẽ bị trừ điểm thành phần tương ứng.
- Sinh viên thiếu một trong các điểm thành phần sẽ không có điểm cho toàn môn học.
- Sinh viên có thể đề xuất các vấn đề mới trong phần thảo luận trên lớp (ngoài nội dung do giáo viên hướng dẫn nhưng nằm trong nội dung môn học).
- Tích cực đọc tài liệu, xây dựng bài và làm các bài tập thực hành (theo nhóm hoặc cá nhân)

11. Tài liệu học tập

11.1. Tài liệu bắt buộc:

- Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng (2012), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục, Hà Nội

11.2. Tài liệu tham khảo.

- Nguyễn Quang Ninh (2003), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục, Hà Nội
- Nguyễn Minh Thuyết (Chủ biên), Nguyễn Văn Hiệp (2001) *Tiếng Việt Thực hành*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội
- Hữu Đạt (1995), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục, Hà Nội
- Diệp Quang Ban (1998), *Ngữ pháp tiếng Việt*, tập 1, 2, Nxb Giáo dục

- Diệp Quang Ban (2003), *Giao tiếp văn bản mạch lạc liên kết đoạn văn*, Nxb Khoa học xã hội
- Đỗ Hữu Châu (1999), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb Giáo dục
- Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp (1998), *Thành phần câu tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội
- Đinh Trọng Lạc (chủ biên) (1998), *Phong cách học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội

12. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập, viết tiểu luận ở nhà.	1 điểm	10%	
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ	02 bài KT	30 %	
3	Thi kết thúc học phần	Thi viết 120 phút	60%	

Lưu ý: Sinh viên không tham gia đủ 80% số tiết học trên lớp không được thi lần đầu

13. Thang điểm: 10, lấy đến 1 chữ số thập phân

14. Nội dung chi tiết học phần:

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	TL + TH	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
Tuần 1	Chương 1. TIẾNG VIỆT VÀ BỘ MÔN TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH	3	2	-Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng (2012), <i>Tiếng Việt</i>	-Nghiên cứu tài liệu -Xây dựng bài -Tích cực làm

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	TL + TH	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	1.1. Khái quát về tiếng Việt <i>1.1.1. Tiếng Việt – tiếng phổ thông của Việt Nam</i> 1.1.1.1. Tiếng Việt có từ lâu đời và ngày càng phát triển 1.1.1.2. Tiếng Việt là ngôn ngữ quốc gia <i>1.1.2. Tiếng Việt có chức năng xã hội trọng đại</i> 1.1.2.1. Tiếng Việt là phương tiện giao tiếp quan trọng 1.1.2.2. Tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu 1.1.2.3. Tiếng Việt là chất liệu của sáng tạo nghệ thuật 1.1.2.4. Tiếng Việt mang rõ dấu ấn của người Việt 1.1.2.5. Tiếng Việt là phương tiện tổ chức và phát triển xã hội <i>1.1.3. Nguyên tắc của tiếng Việt</i> 1.3.1.1. Nguyên tắc hệ thống 1.3.1.1. Nguyên tắc tín hiệu 1.2. Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt <i>1.2.1. Truyền thống quý trọng và bảo vệ, phát triển tiếng nói của ông cha</i> 1.2.1.1. Truyền thống quý trọng và bảo vệ tiếng nói dân tộc 1.2.1.2. Tiếp tục phát triển tiếng nói của dân tộc			<i>thực hành</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội; trang 8 đến 22	bài tập và tham gia các hoạt động tại lớp

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	TL + TH	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	1.2.2. Có tình cảm yêu quý và thái độ trân trọng tiếng nói và chữ viết của dân tộc 1.2.2.1. Yêu quý tiếng Việt 1.2.2.1. Trân trọng tiếng nói và chữ viết dân tộc				
Tuần 2	1.2.3. Sử dụng tiếng Việt theo các chuẩn mực và sáng tạo 1.2.3.1. Về phát âm và chữ viết 1.2.3.2. Về từ ngữ 1.2.3.3. Về ngữ pháp 1.2.3.4. Về phong cách 1.2.4. Tiếp nhận có chọn lọc những yếu tố ngôn ngữ bên ngoài 1.2.4.1. Tiếp nhận có chọn lọc 1.2.4.1. Việt hóa ngôn ngữ tiếp nhận 1.2.4.2. Tránh lạm dụng 1.3. Mục tiêu và nhiệm vụ của môn Tiếng Việt thực hành 1.3.1. Bồi dưỡng tình cảm và thái độ trân trọng đối với tiếng Việt 1.3.2. Tiếp tục nâng cao hiểu biết có cơ sở khoa học về tiếng Việt 1.3.3. Tiếp tục rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt.	3	2	-Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng (2012), <i>Tiếng Việt thực hành</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội; trang 3 đến trang 22	-Đọc trước tài liệu -Tích cực xây dựng bài và làm bài tập -Sưu tầm một số tình huống về việc chưa giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	TL + TH	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
Tuần 3	Chương 2. PHÂN TÍCH VÀ TỔNG THUẬT VĂN BẢN 2.1. Khái quát về văn bản 2.1.1. <i>Giao tiếp và văn bản</i> 2.1.1.1. Giao tiếp 2.1.1.2. Ngôn ngữ 2.1.1.3. Giao tiếp bằng ngôn ngữ 2.1.1.4. Các nhân tố của quá trình giao tiếp 2.1.2. <i>Văn bản- khái niệm và các đặc trưng cơ bản</i> 2.1.1.1. Khái niệm văn bản 2.1.1.2. Các đặc trưng cơ bản của văn bản 2.1.3. <i>Giản yếu về một số loại văn bản</i> 2.1.2.1. Văn bản khoa học 2.1.2.2. Văn bản nghị luận 2.1.2.3. Văn bản phải hành chính	3	2	-Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng (2012), <i>Tiếng Việt thực hành</i> , Nxb Giáo dục, Hà Nội; trang 22 đến 36 -Diệp Quang Ban (2003), <i>Giao tiếp văn bản mạch lạc liên kết đoạn văn</i> , Nxb Khoa học xã hội, trang 9 đến 51	- Đọc trước tài liệu -Tích cực xây dựng bài -Làm bài tập thực hành
Tuần 4	2.2. Phân tích văn bản 2.2.1. <i>Tìm hiểu văn bản</i> 2.2.1.1. Các nhân tố liên quan đến nội dung văn bản 2.2.1.2. Tìm hiểu khái quát nội dung văn bản 2.2.2. <i>Phân tích đoạn văn</i> 2.2.2.1. Tìm ý chính của đoạn văn 2.2.2.2. Tìm hiểu cách lập luận trong đoạn văn	3	2	-Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng (2012), <i>Tiếng Việt thực hành</i> , Nxb Giáo dục, Hà Nội; trang 37 đến 65 -Diệp Quang Ban (2003), <i>Giao tiếp</i>	- Đọc trước tài liệu -Tích cực xây dựng bài -Làm bài tập

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	TL + TH	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	2.2.2.3. Phân tích sự liên kết giữa các câu trong đoạn văn			<i>văn bản mạch lạc liên kết đoạn văn</i> , Nxb Khoa học xã hội, trang 103 đến 120	thực hành phân tích văn bản, dựng đoạn, liên kết câu
Tuần 5	2.2.3. <i>Phân tích bố cục và lập luận toàn văn bản</i> 2.2.3.1. Bố cục văn bản 2.2.3.2. Tái tạo đề cương văn bản	3	2	-Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng (2012), <i>Tiếng Việt thực hành</i> , Nxb Giáo dục, Hà Nội; trang 28 đến 36	- Đọc trước tài liệu -Tích cực xây dựng bài -Làm bài tập thực hành phân tích bố cục và lập luận văn bản, xây dựng đề cương văn bản
Tuần 6	2.3. Thuật lại nội dung tài liệu khoa học 2.3.1. <i>Tóm tắt một tài liệu khoa học</i> 2.3.1.1. Mục đích yêu cầu của việc tóm tắt tài liệu	3	2	-Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng (2012), <i>Tiếng Việt</i>	-Đọc trước tài liệu

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	TL + TH	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	khoa học 2.3.1.2. Một số cách tóm tắt thường sử dụng 2.3.1.3. Một số nguyên tắc khi tóm tắt 2.3.2. <i>Tổng thuật các tài liệu khoa học</i> 2.3.1.1. Mục đích yêu cầu 2.3.1.2. Phương pháp tổng thuật 2.3.3. <i>Trình bày lịch sử vấn đề</i> 2.3.1.1. Mục đích yêu cầu 2.3.1.2. Cách trình bày phần lịch sử vấn đề nghiên cứu Kiểm tra bài số 1			<i>thực hành</i> , Nxb Giáo dục, Hà Nội; trang 73 đến 99	-Tích cực xây dựng bài -Thực hành tóm tắt văn bản
Tuần 7	Chương 3. XÂY DỰNG VĂN BẢN 3.1. Định hướng- xác định các nhân tố giao tiếp của văn bản 3.2. Lập đề cương cho văn bản 3.1.1. <i>Định hướng văn bản</i> 3.1.2. <i>Lập đề cương cho văn bản</i>	3	2	-Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng (2001), <i>Tiếng Việt thực hành</i> , Nxb Giáo dục, Hà Nội; trang 99 đến 117	-Đọc trước tài liệu -Tích cực xây dựng bài -Làm bài tập thực hành xây dựng đề cương văn bản
Tuần 8	3.1.3. <i>Viết đoạn văn và văn bản</i> 3.1.4. <i>Sửa chữa hoàn thiện văn bản</i>	3	2	-Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng	-Đọc trước tài

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	TL + TH	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	3.3. Kỹ thuật trình bày một luận văn khoa học 3.3.1. <i>Khái quát về luận văn khoa học</i> 3.3.2. <i>Phương pháp tiến hành luận văn khoa học</i>			(2001), <i>Tiếng Việt thực hành</i> , Nxb Giáo dục, Hà Nội; trang 3 đến 22 -Diệp Quang Ban (2003), <i>Giao tiếp văn bản mạch lạc liên kết đoạn văn</i> , Nxb Khoa học xã hội, trang 289 đến 388	liệu -Tích cực xây dựng bài - Thực hành viết đoạn văn và hoàn thiện văn bản
Tuần 9	Hệ thống và kiểm tra giữa môn 1.Hệ thống kiến thức - Tóm tắt tài liệu - Tổng thuật tài liệu - Xây dựng đề cương - Viết đoạn văn -Hoàn thiện văn bản 2. Kiểm tra giữa môn (90 phút)	3	2		-Đọc lại lý thuyết - làm bài kiểm tra cá nhân

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	TL + TH	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
Tuần 10	Chương 4. RÈN LUYỆN KỸ NĂNG ĐẶT CÂU 4.1. Yêu cầu về câu trong văn bản <i>4.1.1. Yêu cầu về câu xét theo quan hệ hướng nội</i> 4.1.1.1. Câu cần cấu tạo đúng quy tắc ngữ pháp tiếng Việt 4.1.1.2. Câu phải có quan hệ ngữ nghĩa phù hợp với tư duy người Việt 4.1.1.3. Câu phải có thông tin mới 4.1.1.4. Câu phải được đánh dấu câu phù hợp <i>4.1.2. Yêu cầu về câu xét theo quan hệ hướng ngoại</i> 4.1.2.1. Câu phải phục vụ mục đích giao tiếp 4.1.2.2. Câu phải phù hợp với quan hệ giao tiếp của nhân vật giao tiếp 4.1.2.3. Câu phải phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp	3	2	-Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng (2012), <i>Tiếng Việt thực hành</i> , Nxb Giáo dục, Hà Nội; trang 148 đến 188 -Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp (1998), <i>Thành phần câu tiếng Việt</i> , Nxb Đại học Quốc gia, trang 77 đến 162	-Làm bài kiểm tra -Tập trung nghe giảng -Xây dựng bài -Thực hành viết câu
Tuần 11	<i>4.1.3. Một số thao tác về rèn luyện câu</i> 4.1.3.1. Mở rộng và rút gọn câu 4.1.3.2. Tách và ghép câu 4.1.3.3. Thay đổi trật tự các thành phần câu 4.1.3.4. Chuyển đổi các kiểu câu 4.1.3.5. Chuyển đổi cách diễn đạt trong câu <i>4.1.3. Một số lỗi câu sai thường gặp</i> 4.1.2.1. Lỗi về cấu tạo ngữ pháp	3	2	-Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng (2001), <i>Tiếng Việt thực hành</i> , Nxb Giáo dục, Hà Nội; trang 148 đến 188	-Đọc trước tài liệu -Tích cực xây dựng bài - Thực hành

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	TL + TH	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	4.1.2.2. Lỗi về quan hệ ngữ nghĩa trong câu 4.1.2.3. Lỗi về dấu câu 4.1.2.4. Lỗi về phong cách				rèn luyện câu, chữa lỗi câu
Tuần 12	CHƯƠNG 5. RÈN LUYỆN KỸ NĂNG DÙNG TỪ- CHÍNH TẢ 5.1. Dùng từ trong văn bản <i>5.1.1. Khái quát về từ</i> 5.1.1.1. Khái niệm về từ 5.1.1.2. Các bình diện của từ 5.1.1.3. Từ trong mối quan hệ với giao tiếp và văn bản <i>5.1.2. Những yêu cầu chung khi sử dụng từ trong văn bản</i> 5.1.2.1. Đúng âm thanh và hình thức cấu tạo 5.1.2.2. Đúng về nghĩa 5.1.2.3. Đúng về đặc điểm ngữ pháp 5.1.2.4. Thích hợp với phong cách ngôn ngữ của văn bản 5.1.2.5. Đảm bảo tính hệ thống của văn bản 5.1.2.6. Tránh lặp từ, thừa từ không cần thiết và bệnh sáo rỗng công thức	3	2	-Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng (2001), <i>Tiếng Việt thực hành</i> , Nxb Giáo dục, Hà Nội; trang 188 đến 226 Đỗ Hữu Châu (1999), <i>Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt</i> , Nxb Giáo dục, trang 22 đến 102	-Đọc trước tài liệu -Tích cực xây dựng bài -Làm bài tập thực hành
Tuần 13	<i>5.1.3. Một số thao tác dùng từ và trau dồi vốn từ</i> 5.1.3.1. Lựa chọn và thay thế từ 5.1.3.2. Nhận xét, phân tích, đánh giá từ ngữ	3	2	-Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng (2001), <i>Tiếng Việt</i>	-Đọc trước tài liệu

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	TL + TH	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	5.1.4. Chữa các lỗi về từ trong văn bản			thực hành, Nxb Giáo dục, Hà Nội; trang 188 đến 226	-Tích cực xây dựng bài -Làm bài tập thực hành sử dụng từ, chữa lỗi dùng từ
Tuần 14	5.2. Chữ viết trong văn bản 5.2.1. Chữ quốc ngữ 5.2.1.1. Chữ cái 5.2.1.2. Nguyên tắc xây dựng chữ quốc ngữ 5.2.1.3. Những bất hợp lý trong chữ quốc ngữ 5.2.2. Chính tả 5.2.2.1. Đặc điểm chính tả tiếng Việt 5.2.2.2. Nguyên tắc kết hợp chính tả tiếng Việt 5.2.2.3. Quy tắc viết hoa hiện hành 5.2.2.4. Quy tắc viết tên riêng và thuật ngữ nước ngoài 5.2.3. Lỗi chính tả 5.2.3.1. Lỗi do sai nguyên tắc chính tả hiện hành 5.2.3.2. Lỗi do sai phát âm chuẩn	3	2	-Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng (2012), <i>Tiếng Việt thực hành</i> , Nxb Giáo dục, Hà Nội; trang 226 đến 253	-Đọc trước tài liệu -Tích cực xây dựng bài -Thực hành rèn luyện chữ viết và chính tả tiếng Việt

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	TL + TH	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	TL + TH	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
Tuần 15	Thực hành - Viết câu - Dùng từ - Viết chính tả và phiên âm tiếng nước ngoài	3	2	Đọc lại lý thuyết trong giáo trình, tài liệu	-Nghiên cứu lại lý thuyết -Làm bài tập thực hành theo nhóm/cá nhân -Trình bày trước lớp

Hà Nội, ngày 24 tháng 2 năm 2014

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Quang Tiến

TRƯỞNG KHOA

Thuy Thon

Vũ Thị Thúy Hiền

TỔ MÔN

Thuy

Nguyễn Thị Thanh Thủy